

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày 01 tháng 2 năm 2021
“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Khổng Minh Thanh

Ông Phan Duy Hưng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đào -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2020/TLST-DS ngày 26/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐST-DS ngày 30/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐHPT-DS ngày 15/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Phương L**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Khu 5, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu 5, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như các lời khai tại tòa án, bà Nguyễn Phương L là nguyên đơn trình bày:

Do quen biết là hàng xóm gần nhà với ông Nguyễn Anh T, vào thời gian ông Tuấn xây nhà, nên ông Tuấn có hỏi vay bà số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) vay làm 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 16/11/2017 bà cho ông Tuấn vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) thời hạn vay từ ngày 16/11/2017 đến ngày 26/02/2018 trả.

Lần 2: Ngày 25/11/2017, bà cho ông Tuấn vay số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) thời hạn vay từ ngày 25/11/2017 đến ngày 5/03/2018 trả.

Khi vay, ông Tuấn viết giấy vay tiền có nội dung thể hiện việc hẹn trả nợ, có chữ ký của ông Tuấn. Trong giấy vay không thể hiện lãi suất (hai bên thỏa thuận lãi xuất miệng, tính theo lãi xuất ngân hàng). Mục đích vay tiền là để làm nhà. Từ khi vay đến nay, ông Tuấn đã trả cho bà Lan được 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Ông Tuấn còn nợ lại số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), mặc dù bà đã đòi nhiều lần nhưng ông Tuấn không trả. Nay bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết buộc ông Tuấn phải trả cho bà khoản tiền gốc còn nợ là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là ông Nguyễn Anh T vắng mặt tại phiên tòa. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án ông Tuấn đã thể hiện quan điểm như sau:

Do mối quan hệ quen biết nên ông Tuấn có vay bà Lan số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) vay làm 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 16/11/2017 bà Lan cho ông vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) thời hạn vay từ ngày 16/11/2017 đến ngày 26/02/2018 trả.

Lần 2: Ngày 25/11/2017, bà Lan cho ông vay số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) thời hạn vay từ ngày 25/11/2017 đến ngày 5/03/2018 trả.

Khi vay, ông có viết giấy vay tiền có nội dung thể hiện việc hẹn trả nợ, có chữ ký của ông, trong giấy vay không thể hiện lãi suất. Vì hai bên thỏa thuận lãi xuất miệng theo lãi xuất ngân hàng, mục đích vay tiền để làm nhà. Sau khi vay được tiền đến nay ông đã trả cho bà Lan được 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Nay ông xác định còn nợ bà Lan số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Do hoàn cảnh khó khăn ông xin được trả dần làm 06 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 02/12/2020 ông trả bà Lan số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng).

Lần 2: Ngày 02/01/2021 ông trả bà Lan số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng).

Lần 3: Ngày 02/02/2021 ông trả bà Lan số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng).

Lần 4: Ngày 02/3/2021 ông trả bà Lan số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng).

Lần 5: Ngày 02/4/2021 ông trả bà Lan số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng).

Lần 6: Ngày 02/5/2021 ông trả bà Lan số tiền 50.000.000đồng (Năm Mươi triệu đồng).

Bà Nguyễn Phương L không nhất trí với phương thức thanh toán của ông Tuấn, bà đề nghị ông Tuấn phải trả số tiền còn nợ 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) làm một lần.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình nên hoà giải không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Phương L khởi kiện đòi ông Nguyễn Anh T phải trả số tiền vay còn nợ là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Bị đơn ông Nguyễn Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú ở khu 5, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

[1.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Anh T. ông Nguyễn Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Anh T là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 16/11/2017 bà Nguyễn Phương L cho ông Nguyễn Anh T vay số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Ngày 25/11/2017, bà Nguyễn Phương L cho ông Nguyễn Anh T vay số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Tổng hai

lần vay là 65.000.000 (Sáu mươi lăm triệu đồng), khi vay không thỏa thuận lãi là có thật được thể hiện ở 02 giấy vay tiền giữa bà Nguyễn Phương L và ông Nguyễn Anh T. Ông Tuấn cũng thừa nhận đã nhận tiền của bà Lan, ông Tuấn hẹn đến ngày 26/02/2018 trả 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và hẹn đến ngày 05/03/2018 trả 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án, ông Tuấn cũng thừa nhận việc vay nợ này là có thật, sau khi vay được tiền đến nay ông mới trả cho bà Lan được 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Nay ông xác định còn nợ bà Lan số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Do hoàn cảnh khó khăn ông xin được trả dần làm 06 lần nhưng bà Lan không nhất trí. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà Lan, buộc ông Nguyễn Anh T phải trả cho bà Lan số tiền vay còn nợ là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Về lãi suất: Do bà Lan không yêu cầu tính lãi nên Tòa án không xem xét đến.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật. Trả lại cho bà Nguyễn Phương L số tiền là 1.625.000 (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Do vụ án không thực hiện thu thập chứng cứ nên căn cứ khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự, phiên tòa được xét xử không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463; Điều 466; Điều 470; Điều 357, của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Phương L. Buộc ông Nguyễn Anh T phải trả cho bà Nguyễn Phương L số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Anh T phải chịu 3.000.000 (Ba triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Phương L số tiền là 1.625.000 (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002703 ngày 26/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Toà án nhân dân Tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Kim Nguyên